

Bản án số: **06/2023/DS-ST**

Ngày: 04- 8- 2023

*“V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P T, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê

2. Ông Hồ Văn Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P T, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, **Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990, chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1992; Địa chỉ: tổ dân phố 5, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nhau từ trước, nên tôi đã cho vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Bích P vay, cụ thể:

Ngày 06/4/2017 tôi cho anh Hoàng Văn T vay số tiền 63.500.000 đồng. Khi vay anh T tự viết giấy và ký nhận. Sau khi viết giấy tôi đã giao tiền cho anh T. Theo thỏa thuận một ngày anh T đóng cho tôi 300.000 đồng, cho đến khi hết nợ.

Ngày 20/6/2018 tôi có cho chị Nguyễn Thị Bích P vay số tiền 65.000.000 đồng. Chị P viết giấy mượn tiền và ký nhận, tôi đã giao tiền cho chị P, có sự chứng kiến và ký nhận của anh Hoàng Văn T. Trong giấy vay tiền chị P hẹn đến ngày 02/7/2018 Âm lịch sẽ trả cho tôi. Lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5 %/tháng mà không ghi vào giấy mượn tiền (Thỏa thuận miệng với nhau).

Năm 2021 tôi có đến nhà anh T, chị P lấy một số bìa gỗ để làm hàng rào và 02 mặt bàn gỗ tạp và đồng ý trừ số tiền 28.000.000 đồng cho anh T, chị P.

Đến nay tôi đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị P trả cho tôi số tiền đã vay còn lại nhưng anh T, chị P không trả.

Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị P liên đới trả cho tôi tổng số tiền 100.500.000 đồng. Tôi không yêu cầu tiền lãi phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Tôi thừa nhận có viết giấy vay tiền và ký nhận. Tôi có vay của bà H số tiền gốc 25.000.000 đồng từ năm 2017, tới năm 2018 bà H mới bắt tôi ghi giấy vay số tiền 65.000.000 đồng.

Ngày 06/4/2017 anh T viết và ký tên nhận vay số tiền 63.500.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, giấy vay tiền này là do anh T ghi số nợ này là để trả cho tôi.

Bà H và 02 người con tới nhà tôi chửi bới, đe dọa, buộc cả hai phải viết và ký nhận nợ. Việc này chúng tôi không có báo chính quyền địa phương.

Năm 2021 bà H có lấy gỗ của tôi với số tiền 28.000.000 đồng, con rể bà H lấy gỗ với số tiền 12.000.000 đồng. Chúng tôi đã trả hết, nay không trả nữa.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng đương sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc 100.500.000 đồng.

Buộc anh T, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu thực hiện hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị Bích P có nơi cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn P T, huyện P T, tỉnh G L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 20/6/2018 bà H có cho chị P vay số tiền 65.000.000 đồng; Ngày 06/4/2017 bà H cho anh T vay số tiền 63.500.000 đồng. Các bên xác lập giấy vay tiền trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; nội dung và hình thức giấy vay tiền phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày các bên xác lập.

Sau khi lập giấy mượn tiền, bà H đã giao tiền cho anh T, chị P.

Theo thỏa thuận giữa các bên thì đến ngày 02/7/2018 Âm lịch, tức ngày 12/8/2018 Dương lịch, chị P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền đã vay; đối với anh T thì hàng ngày phải trả cho bà H hơn 300.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền đã vay.

Đến nay, anh T, chị P đã trả không đầy đủ cho bà H là vi phạm Hợp đồng cho vay giữa các bên đã ký kết.

Xét thấy chứng cứ nguyên đơn cung cấp, được sự thừa nhận của bị đơn, là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền vay: chị P vay số tiền 65.000.000 đồng, anh T vay số tiền 63.500.000 đồng, tổng cộng: 128.500.000 đồng; trừ số tiền bà H lấy gở của anh T, chị P trị giá 28.000.000 đồng (do các bên đều thống nhất); còn lại 100.500.000 đồng.

Khi vay tiền bà H, anh T và chị P là vợ chồng; việc vay tiền bà H cả chị P và anh T đều biết, cho nên cần buộc anh T và chị P có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền đã vay còn lại là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xét, giải quyết.

Đối với ý kiến của chị P cho rằng: Chị và anh T có viết và ký nhận nợ, tuy nhiên là do bà H cùng 02 người con tới nhà đe dọa phải viết giấy nên mới viết giấy thừa nhận số nợ chứ không có nợ gì bà H; chị cho rằng anh T nhận nợ thay cho chị nên ký nhận, trong khi đó năm 2018 chị mới vay bà H, còn anh T đã vay bà H từ năm 2017. Xét lời trình bày của chị P có nhiều mâu thuẫn, không đúng sự thật; chị P cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, HĐXX không có cơ sở chấp nhận ý kiến của chị.

Chị P còn trình bày việc con rể bà H tới nhà chị lấy gở với trị giá 12.000.000 đồng; việc này bà H không thừa nhận và cho rằng việc con rể bà có lấy gở của anh T, chị P không liên quan đến cá nhân bà. HĐXX xét thấy sự việc này không liên quan gì đến vụ án, nên không xem xét giải quyết. Chị P, anh T có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào :

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;
- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 100.500.000 đồng (Một trăm triệu, năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị Bích P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 5.025.000 đồng (Năm triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.212.500 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008019 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P T, tỉnh G L.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P T;
- Chi Cục THS DS huyện P T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh